

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS - ST
Ngày: 08/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Xuân Niên

2. Bà Trần Thị Ngọc Diệp

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Vũ Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST – HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2020/QĐXXST – HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

A G; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 199x tại Kon Tum; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã P, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hre; Tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: không; Con ông: A Tr và bà: Y Đ, gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình. Bị cáo có vợ là Y X và có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo A G bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 11/5/2020 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Trợ giúp viên pháp lý tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum (Có mặt)

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thanh N - Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Kon Tum. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Văn L- Chủ tịch UBND xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Cộng đồng thôn V, xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum. Người đại diện theo ủy quyền: Ông A Ch – trưởng thôn V, huyện K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

- *Người phiên dịch:* Ông A S – Phòng văn hóa thông tin huyện K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 11/2019, vì không có đất sản xuất nên A G nảy sinh ý định đi phá rừng để làm nương rẫy, lấy đất trồng mì. A G một mình đi tìm địa điểm phù hợp để phát rẫy, khi thấy khu vực rừng tự nhiên tại Khoảnh 10, Tiểu khu 438 thuộc lâm phần do Cộng đồng thôn V quản lý có địa hình tương đối bằng phẳng, thích hợp A G quyết định cắt hạ những cây rừng tự nhiên tạo thành 01 khoảng trống để phục vụ cho mục đích của mình. Một ngày sau, A G một mình cầm theo 01 cưa máy có cả lam, xích, 01 con dao rựa mũi quắm, cán bằng tre đi đến khu vực rừng đã chọn trước đó và dùng dao rựa để chặt hạ những cây gỗ nhỏ, những dây gai, cây bụi; dùng cưa máy cắt hạ toàn bộ những cây gỗ lớn tạo thành 01 khoảng trống. Trong vòng 01 tháng sau khi phát được 01 diện tích rừng vừa đủ theo ý muốn, A G về nhà chờ cho các cây gỗ khô thì mới tiến hành đốt dọn. Đến ngày 03/02/2020, trong quá trình tuần tra, truy quét, Tổ công tác liên ngành xã P phát hiện tại Khoảnh 6 và Khoảnh 10 Tiểu khu 438 lâm phần do Cộng đồng thôn V quản lý thuộc xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum có tình trạng phá rừng trái pháp luật nên đã lập biên bản sự việc và báo cáo Hạt kiểm lâm huyện K xử lý theo thẩm quyền.

Trên cơ sở kết quả đo đạc khám nghiệm hiện trường vào ngày 13/02/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Hạt kiểm lâm huyện cùng đại diện chính quyền xã P và lời khai nhận của đối tượng A G xác định: Khu vực rừng mà A G cưa, chặt phá trái phép nêu trên thuộc Khoảnh 10 Tiểu khu 438 thuộc lâm phần do Cộng đồng thôn V, xã P, huyện K quản lý; có tổng diện tích rừng bị phá trái phép là 6.673 m² rừng tự nhiên, chức năng sản xuất.

Tại bản Kết luận giám định ngày 25/8/2020 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Kon Tum kết luận diện tích rừng mà A G phá trái phép là 7.151,5 m², trữ lượng cây đứng là 133,150 m³, sản lượng gỗ là 67,681 m³, gỗ từ nhóm I đến nhóm VIII. Về thiệt hại môi trường rừng Giám định viên không thực hiện được do không có cơ sở, căn cứ khoa học.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19A/KL-HĐĐG ngày 18/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kon Plông kết luận: 67,681 m³ gỗ có tổng giá trị 268.480.000 đồng.

Về vật chứng vụ án, đối với 01 cưa máy (gồm cả lam cưa, xích) và 01 con dao rựa mà A G sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội đã bị hỏng nên A G bán cho 01 người đàn ông mua ve chai (không rõ nhân thân, lai lịch) được 150.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông không thu giữ được.

Đối với vật chứng vụ án là toàn bộ số gỗ tại hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành khảo sát giá kéo gom, giá thu mua gỗ, củi. Xét thấy việc mở đường để kéo gom, thu giữ vật chứng sẽ làm gia tăng các vụ phá rừng, khai thác lâm sản trái phép, bên cạnh đó giá thuê kéo gom cao hơn so với giá bán gỗ, củi, có thể gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra đã

giao toàn bộ số gỗ là vật chứng cho chủ rừng là Cộng đồng thôn V xã P quản lý theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 26 tháng 10 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo A G về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông phát biểu luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo; đã phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, đại diện của nguyên đơn dân sự, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, đặc điểm nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

Qua đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo A G phạm tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo A G mức án tù 18 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/5/2020.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo là người dân tộc thiểu số, nghề nghiệp làm nông sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định do đó đề nghị Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại): do nguyên đơn dân sự có yêu cầu tách vấn đề dân sự vì chưa có điều kiện chứng minh thiệt hại và việc tách vấn đề dân sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tách vấn đề dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đối với 67,681 m³ gỗ tại hiện trường do bị cáo chặt phá, hiện tại do Cộng đồng thôn V quản lý có tổng giá trị 268.480.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự giao cho nguyên đơn dân sự (Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum) quản lý, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với 01 cửa máy (gồm cả lam cửa, xích) và 01 con dao rựa mà A G sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội đã bị hỏng nên A G bán cho 01 người đàn ông mua ve chai (không rõ nhân thân, lai lịch) được 150.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông không thu giữ được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 150.000 đồng thu lợi từ việc bán công cụ phạm tội.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông đã truy tố, thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị mớm cung, ép cung hay bị dùng nhục hình.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với nội dung cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông về tội danh và tình

tiết bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xem xét thêm đến các tình tiết bị cáo là lao động chính, gia đình khó khăn, tập tục phật nương làm rẫy của người dân tộc thiểu số ở địa phương để áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Qua đó đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án khoảng 15 tháng tù.

Về Trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự chưa có điều kiện chứng minh thiệt hại và có yêu cầu tách vấn đề về dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tách vấn đề dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm. cho bị cáo.

Ý kiến của nguyên đơn dân sự: do chưa có điều kiện chứng minh toàn bộ thiệt hại do bị cáo A G gây ra hơn nữa 67,681 m³ gỗ do bị cáo chặt phá tại hiện trường, hiện tại do Cộng đồng thôn V quản lý chưa có điều kiện xử lý nên đề nghị Hội đồng xét xử tách vấn đề dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sau khi Nhà nước giao đất, giao rừng cho cộng đồng thôn V, Cộng đồng thôn đã thành lập Ban quản lý, ban hành quy ước, tổ chức tuyên truyền đến từng hộ dân về công tác bảo vệ rừng của cộng đồng và thường xuyên tuần tra, kiểm tra, quản lý bảo vệ rừng kể cả công tác phòng cháy chữa cháy.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo đã nhận thức được hành vi chặt phá rừng là vi phạm pháp luật, bị cáo cảm thấy rất hối hận, con bị cáo đang còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong nhà, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy có đủ căn cứ khẳng định:

Vào khoảng cuối tháng 11/2019, do cần đất sản xuất nông nghiệp nên A G đã dùng 01 con dao rựa, 01 cưa máy để chặt, phát, cắt hạ trái phép các cây gỗ tự nhiên tại Khoảnh 10 Tiểu khu 438 lâm phần do Cộng đồng thôn V quản lý, thuộc địa giới hành chính xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum gây thiệt hại trên diện tích 7.151,5 m² rừng tự nhiên, chức năng sản xuất; gây thiệt hại 67,681 m³ gỗ từ nhóm I đến nhóm VIII có giá trị 268.480.000 đồng .

Như vậy, hành vi của bị cáo A G đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội - đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái rừng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rằng việc chặt phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi cá nhân, gia đình (cần đất sản xuất nông nghiệp) nên đã cố ý thực hiện. Trong khi Nhà nước ta, các ngành, các cấp tỉnh Kon Tum, huyện Kon Plông đã có nhiều giải pháp chỉ đạo quyết liệt, phát động các đợt cao điểm phong trào toàn dân tham gia quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn. Nhưng, tình hình chặt phá rừng trái phép trên địa bàn huyện vẫn diễn ra ngày càng phức tạp. Do vậy, cần xử phạt bị cáo nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để trừng trị, giáo dục đồng thời để răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

- Về đặc điểm nhân thân: Bị cáo có nhân tốt, không có tiền án, tiền sự;
- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng;
- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với các tình tiết bị cáo là lao động chính, gia đình khó khăn, tập tục phát nương làm rẫy của người dân tộc thiểu số ở địa phương, vì chưa có căn cứ, quy định rõ ràng nên Hội đồng xét xử không áp dụng các tình tiết trên là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, nghề nghiệp làm nông, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với số gỗ do bị cáo chặt phá gây thiệt hại về lâm sản với số tiền 268.480.000 đồng, thiệt hại nêu trên là do bị cáo gây ra, lỗi thuộc về bị cáo tuy nhiên số gỗ chưa thu gom để xử lý được vì giá thành mở đường vận chuyển cao, bên cạnh đó thiệt hại về môi trường rừng các cơ quan chức năng chưa xác định được nên xét thấy việc nguyên đơn dân sự chưa có điều kiện chứng minh thiệt hại và việc tách vấn đề dân sự về bồi thường thiệt hại không ảnh hưởng

đến việc giải quyết vụ án hình sự nên việc bồi thường thiệt hại cần tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với 67,681 m³ gỗ từ nhóm I đến nhóm VIII tại hiện trường do bị cáo chặt phá hiện nay Cơ quan điều tra đang giao cho Cộng đồng thôn V, xã P tạm thời quản lý. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn dân sự (Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum) là cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với rừng tại địa phương. Do đó cần giao lại cho nguyên đơn dân sự (Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum) quản lý đối với 67,681 m³ gỗ từ nhóm I đến nhóm VIII tại hiện trường và tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 cửa máy (gồm cả lam cửa, xích) và 01 con dao rựa mà A G sử dụng làm công cụ phạm tội đã bị hỏng nên A G bán cho 01 người đàn ông mua ve chai (không rõ nhân thân, lai lịch) được 150.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kon Plông không thu giữ được. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng biện pháp tư pháp quy định khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự để truy thu, tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền 150.000 đồng mà bị cáo A G thu lợi bất chính từ việc bán công cụ phạm tội.

[8]. Đối với Cộng đồng thôn V, xã P, huyện K được giao quản lý rừng đã thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, vận động nhân dân. Đối với ông Hà Văn T – Kiểm lâm địa bàn xã P trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã tham mưu cho UBND xã về công tác quản lý bảo vệ rừng, trực tiếp phối hợp với các ban ngành của xã đã phát hiện, ngăn chặn kịp thời hành vi phá rừng trái phép. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 360 Bộ luật hình sự.

[9]. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nguồn thu nhập không ổn định, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo A G phạm tội “*Hủy hoại rừng*”

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A G 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 11 tháng 5 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tách vãn đề bồi thường thiệt hại ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Giao cho nguyên đơn dân sự (Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum) 67,681 m³ gỗ thiệt hại từ nhóm I đến nhóm VIII tại hiện trường (Khoảnh 10 Tiểu khu 438 lâm phần do Cộng đồng thôn V quản lý, thuộc địa giới hành chính xã P, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum) quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo A G phải nộp số tiền 150.000đồng (tiền thu lợi bất chính từ việc bán công cụ phạm tội) để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo A G.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo, nguyên đơn dân sự, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/12/2020).

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng KTNV & THAHS TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Kon Plông;
- Cơ quan THAHS CA huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện KonPlông;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Xong